

Số: 297/TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2014

THÔNG BÁO

V/v: Xét tuyển nghiên cứu sinh Đề án 911 theo phương thức phối hợp năm 2014

Căn cứ Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 – 2020 (gọi tắt là Đề án 911);

Căn cứ Thông tư số 35/2012/TT-BGDĐT ngày 12/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định Đào tạo trình độ tiến sĩ theo Đề án "Đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020" được phê duyệt tại Quyết định số 911/QĐ-TTg ngày 17/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 4198/QĐ-BGDĐT ngày 24/9/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo "Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010-2020" (Hình thức phối hợp với các cơ sở đào tạo ở nước ngoài – đợt 2).

Trường Đại học Giao thông Vận tải thông báo tổ chức xét tuyển nghiên cứu sinh (NCS) Đề án 911 theo phương thức phối hợp năm 2014 như sau:

1. Thời gian, hình thức đào tạo:

1.1. Thời gian đào tạo: từ 3 đến 4 năm, theo thỏa thuận giữa cơ sở đào tạo trong nước và cơ sở đào tạo nước ngoài nhưng tổng thời gian đào tạo ở nước ngoài không quá 50% tổng thời gian đào tạo toàn khóa (Danh mục các cơ sở đào tạo nước ngoài xem tại trang website: <http://www.utc.edu.vn>).

1.2. Hình thức đào tạo: tập trung.

(Danh mục và mã số chuyên ngành đào tạo có phụ lục kèm theo).

2. Đối tượng tuyển sinh:

2.1. Giảng viên (biên chế hoặc hợp đồng) của các đại học, học viện, trường đại học và cao đẳng trong cả nước.

2.2. Nghiên cứu viên (biên chế hoặc hợp đồng) của các Viện nghiên cứu khoa học, những người có năng lực và trình độ chuyên môn giỏi đang làm việc ngoài nhà trường, có nguyện vọng và cam kết làm giảng viên tại các trường đại học, cao đẳng sau khi được đào tạo (có công văn cử đi dự tuyển của trường nơi ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên).

2.3. Người mới tốt nghiệp đại học hệ chính quy hoặc thạc sĩ (trong vòng 12 tháng tính đến ngày dự tuyển), có nguyện vọng và cam kết trở thành giảng viên trường đại học, cao đẳng sau khi được đào tạo (có công văn cử đi dự tuyển của trường nơi ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên).

2.4. Không quá 45 tuổi tính theo năm đăng ký dự tuyển.

3. Điều kiện và Hồ sơ dự tuyển:

3.1. Đơn xin dự tuyển và Phiếu dự tuyển.

3.2. Bản sao hợp lệ các giấy tờ tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc hợp đồng dài hạn hoặc công văn cử đi dự tuyển của trường nơi ký hợp đồng cam kết tuyển dụng làm giảng viên.

3.3. Bản sao công chứng bằng và bảng điểm đại học hệ chính quy loại khá trở lên ngành phù hợp với ngành đăng ký dự tuyển (kèm theo bản chính để đối chiếu) nếu chưa có bằng thạc sĩ.



Bản sao công chứng bằng và bằng điểm đào tạo trình độ thạc sĩ phù hợp với chuyên ngành đăng ký dự tuyển (kèm theo bản chính để đối chiếu).

3.4. Có một bài luận về dự định nghiên cứu.

3.5. Có hai thư giới thiệu của hai nhà khoa học có chức danh khoa học như giáo sư, phó giáo sư hoặc học vị tiến sĩ cùng chuyên ngành...

3.6. Yêu cầu về ngoại ngữ của người dự tuyển:

Người dự tuyển phải có một trong các chứng chỉ hoặc văn bằng ngoại ngữ sau đây:

a) Chứng chỉ trình độ ngoại ngữ tương đương cấp độ B1 hoặc bậc 3/6 trở lên theo Khung tham khảo Châu Âu chung về ngoại ngữ, trong thời hạn 2 năm tính ngày dự tuyển nghiên cứu sinh, do một trung tâm khảo thí quốc tế có thẩm quyền hoặc một trường đại học trong nước đào tạo ngành ngoại ngữ tương ứng trình độ đại học cấp;

b) Bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sĩ được đào tạo ở nước ngoài;

c) Bằng tốt nghiệp đại học ngành ngoại ngữ.

3.7. Có cam kết thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo.

3.8. Giấy chứng nhận đủ sức khỏe để học tập, nghiên cứu của một bệnh viện đa khoa cấp quận huyện trở lên.

3.9. Bốn (04) ảnh cỡ 3x4 và phong bì dán tem ghi rõ địa chỉ, điện thoại liên hệ.

(Hồ sơ dự tuyển theo mẫu của Nhà trường, không giải quyết các trường hợp hồ sơ thiếu).

4. Kế hoạch xét tuyển:

- Thời gian phát hành hồ sơ: Từ ngày có thông báo.

- Địa điểm nhận hồ sơ: Trường Đại học Giao thông Vận tải và Trường Đại học Giao thông Vận tải - Cơ sở II.

- Kế hoạch xét tuyển:

Đợt 1: + Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 23/4/2014 đến ngày 29/4/2014.

+ Xét tuyển: Dự kiến tháng 5 năm 2014 (ngày chính thức sẽ thông báo sau).

+ Thông báo kết quả xét tuyển: tháng 6/2014.

+ Thời gian nhập trường: tháng 6/2014.

Đợt 2: + Thời gian nhận hồ sơ: Từ ngày 27/10/2014 đến ngày 31/10/2014.

+ Xét tuyển: Dự kiến tháng 11 năm 2014 (ngày chính thức sẽ thông báo sau).

+ Thông báo kết quả xét tuyển: tháng 12/2014.

+ Thời gian nhập trường: tháng 12/2014.

Chỉ tiêu tuyển sinh sẽ thông báo trước khi xét tuyển.

Địa chỉ liên hệ:

- Tại Hà Nội: Phòng Khảo thí và bảo chất lượng đào tạo, Phòng 205 nhà A9, Trường Đại học Giao thông Vận tải (Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội). Điện thoại: 04.37606352. website: <http://www.utc.edu.vn>

- Tại TP Hồ Chí Minh: Ban Khảo thí và đảm bảo chất lượng, Trường Đại học Giao thông Vận tải - Cơ sở II (số 450 Lê Văn Việt, Phường Tăng Nhơn Phú A, Quận 9, TP HCM). Điện thoại: 08.3730711207.

Nơi nhận:

- Các Bộ, UBND tỉnh (TP);

- Cơ sở II;

- duatin@moet.edu.vn;

- Lưu HCTH, KTĐBCLĐT.



PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long

PHỤ LỤC:

**DANH MỤC CÁC CHUYÊN NGÀNH XÉT TUYỂN NGHIÊN CỨU SINH ĐỀ ÁN 911
THEO PHƯƠNG THỨC PHỐI HỢP CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC GIAO THÔNG VẬN TẢI
NĂM 2014**

(kèm theo Thông báo số 297/TB-ĐHGTVT ngày 11 tháng 3 năm 2014)

| Tên và mã số các ngành tuyển sinh | | | Tên và mã số các chuyên ngành tuyển sinh | | |
|-----------------------------------|---|-------------|--|---|----------------|
| TT | Tên ngành | Mã số | TT | Tên chuyên ngành | Mã số |
| 1 | Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông | 62.58.02.05 | 1 | Xây dựng đường ô tô và đường thành phố | 62.58.02.05.01 |
| | | | 2 | Xây dựng đường sắt | 62.58.02.05.02 |
| | | | 3 | Xây dựng cầu hầm | 62.58.02.05.03 |
| | | | 4 | Địa kỹ thuật xây dựng | 62.58.02.05.04 |
| 2 | Kỹ thuật xây dựng công trình đặc biệt | 62.58.02.06 | 5 | Xây dựng công trình đặc biệt | 62.58.02.06.01 |
| 3 | Cơ kỹ thuật | 62.52.01.01 | 6 | Cơ học chất rắn | 62.52.01.01.01 |
| | | | 7 | Cơ học kỹ thuật | 62.52.01.01.02 |
| 4 | Kỹ thuật cơ khí động lực | 62.52.01.16 | 8 | Kỹ thuật máy và thiết bị xây dựng, nâng chuyên | 62.52.01.16.01 |
| | | | 9 | Khai thác, bảo trì thiết bị xây dựng, nâng chuyên | 62.52.01.16.02 |
| | | | 10 | Kỹ thuật ô tô - máy kéo | 62.52.01.16.03 |
| | | | 11 | Khai thác, bảo trì ô tô - máy kéo | 62.52.01.16.04 |
| | | | 12 | Kỹ thuật đầu máy xe lửa - toa xe | 62.52.01.16.05 |
| | | | 13 | Khai thác, bảo trì đầu máy xe lửa - toa xe | 62.52.01.16.06 |
| 5 | Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa | 62.52.02.16 | 14 | Tự động hóa | 62.52.02.16.01 |

